

ASSESSMENT OF TOURISM DEVELOPMENT CAPACITY IN CRAFT VILLAGES IN DA NANG CITY

Phan Kim Ngan

Danang Architecture University

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	23/02/2022	Craft village is one of the significant cultural resources for tourism activities. In Da Nang city, besides natural resources with many values for tourism, the city also has long-standing traditional craft villages such as Non Nuoc stone village, Nam O fish sauce village, Tuy Loan rice paper village, Cam Ne mats village, and Yen Ne weaving village. The article has applied MCA multi-criteria analysis method, Analytic Hierarchy Process (AHP) method and expert method to build a system of criteria and standards to evaluate 04 craft villages including: Nam O fish sauce village, Tuy Loan rice paper village, Cam Ne mats village, and Yen Ne weaving village. The evaluation results show that Nam O fish sauce village is highly favorable, Tuy Loan rice paper village is favorable, Cam Ne mats village is moderately favorable, and Yen Ne weaving village is less favorable for tourism development in Da Nang city. In light of the results of this assessment, the article recommends a number of solutions on policies about developing craft villages into an attractive tourism product, and raising local residents' awareness, etc... in order to exploit the tourism value of craft villages effectively.
Revised:	12/5/2022	
Published:	12/5/2022	
KEYWORDS		
Craft village		
Tourism		
Cultural resources		
Da Nang		
Multi criteria analysis		

ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI CÁC LÀNG NGHỀ Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Phan Kim Ngan

Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	23/02/2022	Làng nghề là một trong những tài nguyên văn hóa có ý nghĩa đối với hoạt động du lịch. Tại thành phố Đà Nẵng, bên cạnh các tài nguyên tự nhiên có nhiều giá trị cho khai thác du lịch, thành phố còn có các làng nghề truyền thống lâu đời như làng đá mỹ nghệ Non Nước, làng nghề nước mắm Nam Ô, làng nghề bánh tráng Tuy Loan, làng chiếu Cẩm Nê, làng đan lát Yên Nê. Bài viết đã vận dụng phương pháp phân tích đa chỉ tiêu MCA, phương pháp phân tích quá trình thứ bậc AHP và phương pháp chuyên gia để xây dựng hệ thống các tiêu chí và chỉ tiêu đánh giá 04 làng nghề: làng nghề nước mắm Nam Ô, làng nghề bánh tráng Tuy Loan, làng chiếu Cẩm Nê, làng đan lát Yên Nê. Kết quả đánh giá cho thấy làng nghề nước mắm Nam Ô rất thuận lợi, làng nghề bánh tráng Tuy Loan thuận lợi, làng chiếu Cẩm Nê thuận lợi trung bình và làng đan lát Yên Nê kém thuận lợi cho việc khai thác phát triển du lịch tại thành phố Đà Nẵng. Từ kết quả đánh giá này, bài viết đã khuyến nghị một số giải pháp về cơ chế chính sách, phát triển làng nghề thành một sản phẩm du lịch có tính liên kết, nâng cao nhận thức của người dân... nhằm khai thác hiệu quả giá trị du lịch của làng nghề.
Ngày hoàn thiện:	12/5/2022	
Ngày đăng:	12/5/2022	
TỪ KHÓA		
Làng nghề		
Du lịch		
Tài nguyên văn hóa		
Đà Nẵng		
Phân tích đa chỉ tiêu		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.5580>

Email: nganpk@dau.edu.vn

1. Giới thiệu

Làng nghề là một trong những tài nguyên văn hóa quan trọng của quốc gia. Làng nghề là *“một hoặc nhiều cụm dân cư cấp thôn, ấp, bản, làng, buôn, phum, sóc hoặc các điểm dân cư tương tự tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn”* [1]. Tại Việt Nam, suốt chiều dài lịch sử, với sự hiện diện của nền văn minh nông nghiệp xóm làng, nhiều nghề thủ công truyền thống đã được hình thành, phát triển và đạt đến một số đỉnh cao về kỹ năng và nghệ thuật. Các nghề truyền thống ban đầu chủ yếu diễn ra vào thời kỳ nông nhàn, sau này các gia đình chuyên làm nghề thủ công ngày càng tăng lên, hình thành nên các làng nghề [2]. Theo Phạm Côn Sơn, làng nghề *“là một đơn vị hành chính cổ xưa mà cũng có nghĩa là nơi quần cư đông người, sinh hoạt có tổ chức, kỉ cương tập quán riêng theo nghĩa rộng. Làng nghề không những là làng sống chuyên nghề mà cũng hàm ý là những người cùng nghề sống hợp quần để phát triển công ăn việc làm. Cơ sở vững chắc của các làng nghề là sự vừa làm ăn tập thể, vừa phát triển kinh tế, vừa giữ gìn bản sắc dân tộc và các cá biệt của địa phương”* [3]. Làng nghề không chỉ là nơi sản xuất ra các sản phẩm thủ công độc đáo mà còn là nơi lưu giữ các giá trị văn hóa truyền thống của các nhóm cộng đồng người Việt.

Việc khai thác làng nghề thủ công phục vụ phát triển du lịch không chỉ mang lại các giá trị về kinh tế cho địa phương, góp phần giải quyết việc làm mà còn là giải pháp nhằm bảo tồn các làng nghề đang dần dần bị mai một bởi sự phát triển nhanh chóng của các ngành sản xuất hiện đại, kỹ thuật cao. Làng nghề đã góp phần quan trọng trong phát triển du lịch cộng đồng tại nhiều địa phương như làng gốm Bát Tràng (Hà Nội), làng lụa Vạn Phúc (Hà Nội), làng tranh Đông Hồ (Bắc Ninh), làng gỗ Kim Bồng (Quảng Nam)... Bên cạnh đó, nhiều nghiên cứu, đánh giá nhằm khai thác hiệu quả hơn giá trị của làng nghề trong phát triển du lịch cũng được thực hiện như kinh nghiệm phát triển du lịch làng nghề tại một số nước châu Á và gợi ý cho Việt Nam [4], làng nghề dệt thổ cẩm của đồng bào Khmer ở xã Văn Giáo, huyện Tịnh Biên, An Giang [5], làng nghề ở Đông Nam Bộ [6], làng nghề và phát triển du lịch tại tỉnh Đồng Tháp [7], Phú Quốc, Kiên Giang [8] và tỉnh Vĩnh Phúc [9]... Các nghiên cứu trên chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích định tính để đánh giá thực trạng phát triển du lịch tại các làng nghề, từ đó đưa ra giải pháp khắc phục; hoặc khảo sát người dân và khách du lịch về một làng nghề du lịch cụ thể đã đi vào hoạt động. Việc xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá là điều cần thiết để xác định khả năng nội tại của các làng nghề vốn dĩ chỉ đang sản xuất kinh doanh trước khi đầu tư phát triển du lịch.

Thành phố Đà Nẵng được biết đến với các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển cao cấp, du lịch sự kiện. Các làng nghề truyền thống tại Đà Nẵng chưa được khai thác phục vụ du lịch nhiều, mới chỉ có làng đá mỹ nghệ Non Nước gắn liền với danh thắng Ngũ Hành Sơn đã xây dựng được thương hiệu và được nhiều du khách biết đến. Ngoài ra, một số làng nghề khác cũng có tiềm năng khai thác phát triển du lịch như làng nước mắm Nam Ô (quận Liên Chiểu), làng nghề bánh tráng Túy Loan, làng chiếu Cẩm Nê (huyện Hòa Vang)...

Tên cơ sở đó, bài báo đã kế thừa và vận dụng các chỉ tiêu đánh giá điểm du lịch văn hóa để nghiên cứu, đánh giá khả năng khai thác du lịch tại một số làng nghề thủ công tại thành phố Đà Nẵng nhằm có cơ sở đề xuất các giải pháp khai thác hiệu quả giá trị của các làng nghề này.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp thu thập và phân tích thông tin

- Phương pháp khảo sát thực địa: tiến hành khảo sát thực tế tại các làng nghề như làng đá mỹ nghệ Non Nước, làng nước mắm Nam Ô, làng nghề bánh tráng Túy Loan, làng chiếu Cẩm Nê, làng đan lát Yên Nê.

- Phương pháp thu thập, xử lý số liệu: tác giả đã thu thập các thông tin, tài liệu có liên quan đến các làng nghề; tổng hợp và xử lý số liệu từ bảng khảo sát để đưa ra đánh giá.

- Phương pháp phân tích đa chỉ tiêu (*Multi Criteria Analysis - MCA*): phương pháp MCA thường được sử dụng trong các nghiên cứu phục vụ cho việc ra quyết định dựa trên kết quả đánh

giá tổng hợp của hệ thống các chỉ tiêu. Khả năng phát triển du lịch luôn được đánh giá một cách toàn diện dựa trên nhiều tiêu chí với các chỉ tiêu khác nhau, do đó phương pháp này cho phép xác định các yếu tố khác nhau của làng nghề tác động đến hoạt động du lịch, tổ chức các yếu tố thành một tổ hợp các chỉ tiêu và nghiên cứu mối quan hệ giữa các chỉ tiêu đó để cho ra một kết quả cuối cùng. Bài viết sử dụng phương pháp này để tích hợp thuật toán tính tổng và mô hình tính trọng số theo ma trận tam giác để đánh giá tổng hợp mức độ thuận lợi của làng nghề cho phát triển du lịch tại thành phố Đà Nẵng.

- Phương pháp phân tích quá trình thứ bậc (*Analytical Hierarchy Process - AHP*): mức độ quan trọng của các chỉ tiêu đánh giá khả năng khai thác du lịch tại các làng nghề có sự khác biệt, do đó phương pháp này nhằm xác định mối quan hệ tương quan tuyến tính giữa các chỉ tiêu của làng nghề nhằm đáp ứng việc phát triển du lịch, từ đó tìm ra được trọng số của các chỉ tiêu được lựa chọn.

Phương pháp phân tích đa chỉ tiêu và phân tích quá trình thứ bậc thường được sử dụng trong các nghiên cứu đánh giá, lựa chọn dựa trên các kết quả tổng hợp như Vận dụng phương pháp phân tích đa chỉ tiêu cho việc ra quyết định của Nguyễn Cửu Đình và Nguyễn Thị Bích Vân [10], Ứng dụng phân tích đa tiêu chí trong đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với sản xuất nông nghiệp ở các tỉnh ven biển đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam của Thái Minh Tín và nhóm tác giả [11], Ứng dụng thuật toán phân tích thứ bậc (AHP) phân loại tiêu chí ảnh hưởng đến lũ phục vụ phân vùng nguy cơ lũ trên lưu vực sông Lam của Đặng Minh Tuyết và Vũ Anh Tuấn [12]...

- Phương pháp chuyên gia: được vận dụng nhằm tham vấn ý kiến của các chuyên gia, các nhà khoa học, các nhà hoạch định chính sách về mức độ quan trọng của các chỉ tiêu đánh giá và các chỉ tiêu đánh giá làng nghề.

2.2. Hệ thống tiêu chí và chỉ tiêu đánh giá

Làng nghề được xem là một tài nguyên văn hóa và đã được đưa vào đánh giá trong các nghiên cứu về tài nguyên nói chung và tài nguyên văn hóa nói riêng cho phát triển du lịch trong và ngoài nước. Qua phân tích các tiêu chí đánh giá [13] - [17], tác giả đã kế thừa, chọn lọc và đưa ra nhóm tiêu chí đánh giá khả năng phát triển du lịch của các làng nghề tại thành phố Đà Nẵng, trong đó các tiêu chí và chỉ tiêu đánh giá phải đảm bảo tính tổng hợp và thể hiện bao quát nhất tiềm năng của các làng nghề.

2.2.1. Tiêu chí 1: Độ hấp dẫn

Độ hấp dẫn là yếu tố quan trọng hàng đầu, phản ánh khả năng thu hút khách du lịch. Đối với làng nghề, độ hấp dẫn trước hết được phản ánh thông qua cấp xếp hạng di sản quốc tế hoặc quốc gia. Làng nghề được xếp hạng càng cao thì độ hấp dẫn càng lớn và càng có ý nghĩa trong thu hút khách du lịch.

Tuy nhiên, mối quan hệ giữa giá trị xếp hạng của làng nghề và giá trị khai thác du lịch không hoàn toàn đồng nhất. Vậy nên độ hấp dẫn của làng nghề ngoài giá trị xếp hạng còn được đánh giá dựa vào mức độ nổi tiếng đối với khách du lịch.

2.2.2. Tiêu chí 2: Vị trí làng nghề

Tiêu chí này phản ánh khả năng khách du lịch tiếp cận với làng nghề một cách thuận lợi. Khoảng cách từ làng nghề đến trung tâm thành phố có ảnh hưởng đến việc khai thác du lịch. Khoảng cách thuận lợi một mặt giúp rút ngắn quá trình di chuyển và có thể dành nhiều thời gian cho hoạt động tham quan, mặt khác tránh gây giảm hứng thú hoặc sức khỏe của khách du lịch nếu phải di chuyển một quãng đường quá dài.

2.2.3. Tiêu chí 3: Tính liên kết

Tính liên kết có ý nghĩa quan trọng trong việc hoạch định và tổ chức khai thác tài nguyên du lịch theo lãnh thổ. Mức độ liên kết giữa làng nghề và các điểm tài nguyên, điểm du lịch

trong một phạm vi nhất định góp phần đa dạng hóa sản phẩm du lịch và hình thành các tuyến du lịch. Điều này làm gia tăng sức hấp dẫn cũng như mức độ khai thác của làng nghề cho phát triển du lịch.

2.2.4. Mức độ bảo tồn

Mức độ bảo tồn của làng nghề nhằm nói lên tính nguyên vẹn, trường tồn và gìn giữ các giá trị của làng nghề trước sự phát triển kinh tế nhanh chóng và sự tác động của các hiện tượng tự nhiên.

2.2.5. Thời gian hoạt động du lịch

Thời gian hoạt động du lịch được xác định bởi khoảng thời gian thuận lợi nhất cho việc triển khai các hoạt động du lịch và quyết định đến tính chất thường xuyên hay mùa vụ của hoạt động du lịch tại làng nghề.

2.2.6. Sức chứa

Sức chứa thể hiện ở 4 khía cạnh: vật lý, sinh học, tâm lý và xã hội. Trong thực tế, sức chứa tại làng nghề được xác định dưới góc độ vật lý, được hiểu là lượng khách tối đa mà không gian của làng nghề có thể tiếp nhận. Điều này liên quan đến những tiêu chuẩn tối thiểu về không gian cũng như hoạt động đối với khách du lịch tại làng nghề.

Tiêu chí và chỉ tiêu đánh giá khả năng khai thác du lịch tại các làng nghề được thể hiện tại Bảng 1.

Bảng 1. Hệ thống tiêu chí và chỉ tiêu đánh giá khả năng khai thác du lịch của làng nghề

STT	Tiêu chí	Mức đánh giá	Điểm đánh giá	Chỉ tiêu
1	Độ hấp dẫn	Rất hấp dẫn	5	Làng nghề có danh tiếng vượt ra ngoài lãnh thổ Việt Nam, được nhiều nơi trên thế giới biết đến; hoặc được xếp hạng cấp quốc tế và được du khách trong nước biết đến.
		Hấp dẫn	4	Làng nghề được xếp hạng cấp quốc tế và được du khách trong thành phố biết đến; hoặc làng được xếp hạng từ cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh và được du khách trong nước biết đến; hoặc chưa được xếp hạng nhưng được du khách trong cả nước biết đến.
		Hấp dẫn trung bình	3	Làng nghề được xếp hạng cấp quốc tế nhưng chỉ được du khách ở quận/huyện/xã có làng nghề hoặc lân cận biết đến; hoặc làng nghề được xếp hạng cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh được du khách trong thành phố biết đến; hoặc làng nghề chưa được xếp hạng nhưng được du khách trong thành phố biết đến.
		Ít hấp dẫn	2	Làng nghề được xếp hạng cấp quốc gia hoặc chưa xếp hạng nhưng chỉ được du khách ở quận/huyện có làng nghề hoặc lân cận biết đến.
		Kém hấp dẫn	1	Làng nghề được xếp hạng cấp cấp tỉnh nhưng chỉ được du khách ở quận/huyện có làng nghề hoặc lân cận biết đến; hoặc chưa xếp hạng và chỉ có người địa phương biết đến.
2	Vị trí làng nghề	Rất gần	5	Khoảng cách từ làng nghề đến trung tâm hành chính thành phố dưới 10 km.
		Gần	4	Khoảng cách từ làng nghề đến trung tâm hành chính thành phố từ 10 – dưới 30 km.
		Trung bình	3	Khoảng cách từ làng nghề đến trung tâm hành chính thành phố từ 30 – dưới 50 km.
		Xa	2	Khoảng cách từ làng nghề đến trung tâm hành chính thành phố từ 50 – dưới 70 km.
		Rất xa	1	Khoảng cách từ làng nghề đến trung tâm hành chính thành phố trên 70 km.

STT	Tiêu chí	Mức đánh giá	Điểm đánh giá	Chỉ tiêu
3	Tính liên kết	Rất tốt	5	Có ít nhất 05 điểm tài nguyên du lịch trong phạm vi bán kính 5 km đối với làng nghề có thể liên kết thành tuyến.
		Tốt	4	Có 04 điểm tài nguyên du lịch trong phạm vi bán kính 5 km đối với làng nghề có thể liên kết thành tuyến.
		Trung bình	3	Có 03 điểm tài nguyên du lịch trong phạm vi bán kính 5 km đối với làng nghề có thể liên kết thành tuyến.
		Kém	2	Có 02 điểm tài nguyên du lịch trong phạm vi bán kính 5 km đối với làng nghề có thể liên kết thành tuyến.
		Rất kém	1	Có nhiều nhất 01 điểm tài nguyên du lịch trong phạm vi bán kính 5 km đối với làng nghề có thể liên kết thành tuyến.
4	Mức độ bảo tồn	Rất cao	5	Làng nghề còn nguyên vẹn hoặc gần như nguyên vẹn, đang hoạt động tốt.
		Cao	4	Làng nghề khá nguyên vẹn, đang hoạt động khá tốt, có suy giảm về quy mô, cường độ hoạt động.
		Trung bình	3	Làng nghề đang hoạt động cầm chừng.
		Thấp	2	Làng nghề có nguy cơ thất truyền.
		Rất thấp	1	Làng nghề đã bị thất truyền.
5	Thời gian có thể hoạt động du lịch	Rất dài	5	Có từ 250 ngày/năm trở lên có thể triển khai tốt hoạt động du lịch.
		Dài	4	Có từ 200 – dưới 250 ngày/năm trở lên có thể triển khai tốt hoạt động du lịch.
		Trung bình	3	Có từ 150 – dưới 200 ngày/năm trở lên có thể triển khai tốt hoạt động du lịch.
		Ngắn	2	Có từ 100 – dưới 150 ngày/năm trở lên có thể triển khai tốt hoạt động du lịch.
		Rất ngắn	1	Có dưới 100 ngày/năm trở lên có thể triển khai tốt hoạt động du lịch.
6	Sức chứa	Rất lớn	5	Có sức chứa trung bình từ 500 người/ngày trở lên
		Lớn	4	Có sức chứa trung bình từ 300 – dưới 500 người/ngày trở lên
		Trung bình	3	Có sức chứa trung bình từ 200 – dưới 300 người/ngày trở lên
		Thấp	2	Có sức chứa trung bình từ 100 – dưới 200 người/ngày trở lên
		Rất thấp	1	Có sức chứa trung bình dưới 100 người/ngày trở lên

(Nguồn: tổng hợp của tác giả)

2.3. Xác định trọng số của các tiêu chí đánh giá

Khả năng khai thác du lịch tại các làng nghề cần hội tụ nhiều yếu tố, tuy nhiên mức độ quan trọng có sự khác biệt. Vận dụng phương pháp phân tích thứ bậc AHP và lấy ý kiến chuyên gia về mức độ quan trọng của các tiêu chí ở mục 2.2 trên thang điểm từ 1 đến 9 tương ứng với mức ảnh hưởng từ thấp đến cao của từng tiêu chí đối với khả năng khai thác làng nghề để phục vụ phát triển du lịch. Trọng số của các tiêu chí được thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2. Trọng số của các tiêu chí đánh giá khả năng khai thác làng nghề phục vụ du lịch

STT	Tiêu chí	Trọng số
1	Độ hấp dẫn	0,18
2	Vị trí làng nghề	0,18
3	Tính liên kết	0,16
4	Mức độ bảo tồn	0,17
5	Thời gian có thể hoạt động du lịch	0,15
6	Sức chứa	0,16

(Nguồn: tổng hợp của tác giả từ kết quả khảo sát chuyên gia)

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Một số làng nghề tại thành phố Đà Nẵng

Hiện nay, tại thành phố Đà Nẵng có nhiều làng nghề truyền thống, trong đó có các làng nghề đã được công nhận như làng đá mỹ nghệ Non Nước, làng nghề nước mắm Nam Ô. Mức độ hoạt động du lịch cũng khác biệt, nổi tiếng nhất là làng đá mỹ nghệ Non Nước gắn liền với danh thắng Ngũ Hành Sơn. Trong bài viết này, tác giả lựa chọn 04 làng nghề sản xuất thủ công để đánh giá khả năng phát triển du lịch gồm: làng nghề nước mắm Nam Ô, làng nghề bánh tráng Túy Loan, làng chiếu Cẩm Nê, làng đan lát Yên Nê.

3.1.1. Làng nghề nước mắm Nam Ô

Làng nghề nước mắm Nam Ô nằm trên địa bàn phường Hòa Hiệp Nam và Hòa Hiệp Bắc thuộc quận Liên Chiểu, Đà Nẵng, cách bãi tắm Nam Ô 500 m và đèo Hải Vân 10 km về hướng Bắc, điểm du lịch cộng đồng Hòa Bắc 15 km về hướng Tây. Trên địa bàn làng nghề có đường quốc lộ 1A, ga đường sắt Bắc - Nam đi qua là điều kiện thuận lợi để làng nghề liên kết và giao lưu với các địa phương lân cận.

Quy mô sản xuất của làng nghề là quy mô gia đình, cơ sở sản xuất được mở tại nhà và ít chia tách giữa không gian sản xuất và không gian sinh hoạt. Mặt bằng sản xuất đa số có diện tích 40 – 50 m², một số hộ từ 100 – 150 m². Trong làng nghề có nhiều thành phần kinh tế tham gia sản xuất với 104 hộ đơn lẻ, 15 cơ sở sản xuất, 01 hợp tác xã. Tổng số vốn các hộ đầu tư sản xuất trên 2,5 tỷ đồng/hộ [18]. Công nghệ sản xuất của làng nghề chủ yếu được thực hiện theo phương pháp thủ công với những bí quyết riêng. Đây vừa là hạn chế về mặt kỹ thuật nhưng cũng là điểm hấp dẫn đối với khách du lịch bởi chất lượng nước mắm có sự khác biệt với các địa phương khác.

Năm 2019, Hội làng nghề có 120 hội viên sản xuất nước mắm với 23 cơ sở chế biến nước mắm có quy mô lớn, 15 cơ sở đăng ký thương hiệu riêng với tổng sản lượng bình quân trên 50.000 lít/năm. Ngoài ra, còn có các sản phẩm khác như mắm ruốc, mắm ngắt ngày, cá khô các loại, bình quân đạt từ 3 tấn/năm với tổng doanh thu trên 2 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho 215 lao động [18].

Trải qua thời gian, đến nay, nghề làm nước mắm Nam Ô vẫn được gìn giữ, bảo tồn, phát huy và trao truyền những kinh nghiệm dân gian, những bí quyết về kỹ thuật làm nước mắm. Đây không chỉ là một sản phẩm vật chất hiện diện trong bữa ăn hàng ngày của người dân mà còn mang lại lợi ích trong phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương và cộng đồng. Năm 2009, nước mắm Nam Ô đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp logo, nhãn hiệu tập thể. Tháng 8/2019, nghề làm nước mắm Nam Ô được Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

3.1.2. Làng nghề bánh tráng Túy Loan

Làng nghề bánh tráng Túy Loan là một làng cổ hình thành cách đây hơn 500 năm, thuộc xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, cách trung tâm thành phố Đà Nẵng 15 km về hướng Tây, cách đình làng Túy Loan và sông Túy Loan 1,5 km, cách cụm các điểm du lịch ở Hòa Phú khoảng 17 km về phía Tây. Làng có 10 hộ làm bánh tráng hoạt động quanh năm; riêng dịp Tết Nguyên đán, trong xã có khoảng 40 hộ tham gia tráng bánh mới đáp ứng đủ nhu cầu thị trường. Các cơ sở sản xuất bánh tráng hoạt động theo hình thức hộ gia đình, quy mô nhỏ. Sản phẩm sản xuất được các hộ tự tiêu thụ. Sản phẩm của làng là bánh tráng nướng, có hình tròn đường kính khoảng 50 cm. Bánh tráng Túy Loan dày hơn các loại bánh tráng ở nơi khác và chất lượng của bánh tráng được người sử dụng đánh giá rất cao. Nguồn nguyên liệu chính là gạo được các hộ dân tự sản xuất. Từ món bánh gia truyền người dân trong làng Túy Loan làm để sử dụng, biếu, tặng người thân, nay đã trở thành món bánh nổi tiếng khắp nơi. Mặc dù chỉ có 10 hộ dân đang hoạt động nhưng sản phẩm bánh tráng đã trở thành một thương hiệu và là món ăn gắn liền với mỹ phẩm Túy Loan trứ danh. Hiện nay, UBND huyện Hòa Vang cũng đang xây dựng đề án phục hồi làng nghề, hỗ trợ

người dân vay vốn ưu đãi để đầu tư làm bánh nhằm mục tiêu kết hợp giữa việc khôi phục, phát triển làng nghề gắn với các chương trình du lịch tham quan, trải nghiệm thực tế tại làng nghề. Bên cạnh đó, chính quyền địa phương cũng hỗ trợ tìm kiếm đơn vị nhận bao tiêu sản phẩm, mở rộng được thị trường và quảng bá đặc sản truyền thống của Túy Loan đến với khách du lịch trong và ngoài nước. Do vậy, tiềm năng phát triển du lịch của làng nghề là rất lớn.

3.1.3. Làng chiếu Cẩm Nê

Làng Cẩm Nê thuộc xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang cách trung tâm thành phố Đà Nẵng 14 km về phía Tây Nam, nằm giữa một vùng đồng bằng do phù sa sông Cẩm Lệ bồi tạo nên. Nghề chiếu Cẩm Nê có nguồn gốc từ Hoàng Hóa, Thanh Hóa, được truyền vào miền Nam khoảng từ thế kỷ 15, lúc vua Lê Thánh Tôn chiến thắng Chiêm Thành, sát nhập thành Đồ Bàn vào Quảng Nam - Đà Nẵng. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử và bị cạnh tranh gay gắt, nghề chiếu Cẩm Nê vẫn tồn tại và phát triển đến nay. Cẩm Nê dệt nhiều loại chiếu, khổ rộng, khổ hẹp, dệt chiếu trơn và dệt chiếu hoa. Loại chiếu hoa ở Cẩm Nê không phải dệt chiếu trắng xong mới dùng khuôn in hoa lên trên nền như một số vùng khác mà phải chọn sợi lác về nhuộm phẩm, màu sắc tùy theo người chủ. Sản phẩm làm ra được tiêu thụ ngay tại làng thông qua bán buôn. Giá cả đa dạng tùy theo kích cỡ chiếu. Chiếu Cẩm Nê có ưu điểm là viền chiếu được gấp kỹ hơn, dày hơn, bền hơn, nằm êm lưng hơn so với chiếu của các địa phương khác. Để bảo tồn, gìn giữ và phát huy nghề dệt chiếu truyền thống Cẩm Nê, người dân nơi đây giúp nhau kinh nghiệm, hỗ trợ vốn và sản phẩm làm ra có sự uy tín về mẫu mã, chất lượng và hiệu quả sử dụng để tồn tại và phát triển lâu dài.

3.1.4. Làng đan lát Yến Nê

Làng Yến Nê (nay là thôn Yến Nê) nằm ở phía Đông Bắc xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Làng Yến Nê từng được nhắc đến với nghề đan các vật dụng từ tre nổi tiếng khắp nơi. Nghề đan lát Yến Nê ra đời từ rất sớm so với các nghề thủ công khác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Làng Yến Nê cùng với các làng dọc sông Tây Tịnh (một nhánh của sông Yên) ngày trước là xứ sở của các loại tre trong vườn nhà và dọc bờ sông. Nhờ có nguồn nguyên liệu dư thừa nên nhà nhà làm nghề đan lát. Trước đây, UBND xã Hòa Tiến từng xây dựng đề án “Khôi phục và phát triển làng nghề truyền thống”, trong đó quy hoạch không gian làng nghề tập trung tại thôn Yến Nê 2 với quy mô 4 ha. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, chủ trương này vẫn không mang lại kết quả như mục tiêu đề ra khi tốc độ đô thị hóa quá nhanh, diện tích đất nông nghiệp toàn xã bị thu hẹp, các rừng tre cũng dần biến mất.

3.2. Kết quả đánh giá khả năng phát triển du lịch tại các làng nghề

Tương ứng với 5 mức đánh giá, tác giả phân hạng mức độ thuận lợi của các làng nghề theo 5 mức: Rất thuận lợi (RTL), thuận lợi (TL), thuận lợi trung bình (TLTB), ít thuận lợi (ITL), kém thuận lợi (KTL). Điểm của các cấp đánh giá được thực hiện theo công thức sau:

$$\Delta X = \frac{X_{\max} - X_{\min}}{m}$$

m: số cấp đánh giá (m = 5)

Trong đó, Cấp 1 (KTL): $X_{\min} \leq X_1 < X_{\min} + \Delta X$

Cấp 2 (ITL): $X_1 \leq X_2 < X_1 + \Delta X$

Cấp 3 (TLTB): $X_2 \leq X_3 < X_2 + \Delta X$

Cấp 4 (TL): $X_3 \leq X_4 < X_3 + \Delta X$

Cấp 5 (RTL): $X_4 \leq X_5 < X_{\max}$

Kết quả đánh giá tổng hợp các tiêu chí tại các làng nghề được thể hiện ở bảng 3.

Như vậy, khả năng khai thác du lịch tại làng nghề nước mắm Nam Ô là rất thuận lợi, làng nghề bánh tráng Túy Loan là thuận lợi, làng chiếu Cẩm Nê thuận lợi trung bình và làng đan lát Yến Nê là kém thuận lợi. Kết quả đánh giá này phù hợp với tình hình thực tế và định hướng bảo tồn, phát triển làng nghề tại các địa phương.

Bảng 3. Kết quả đánh giá tổng hợp các tiêu chí đánh giá làng nghề

Làng nghề	Tiêu chí	1	2	3	4	5	6	Điểm trung bình	Mức đánh giá
	<i>Trọng số</i>	<i>0,18</i>	<i>0,18</i>	<i>0,16</i>	<i>0,17</i>	<i>0,15</i>	<i>0,16</i>		
Làng nghề nước mắm Nam Ô		4	4	3	5	5	5	4,32	RTL
Làng nghề bánh tráng Túy Loan		3	4	2	4	4	4	3,5	TL
Làng chiếu Cẩm Nê		2	4	2	4	3	3	3,01	TLTB
Làng đan lát Yên Nê		1	4	2	1	1	2	1,86	KTL

Trong đó: 1 - Độ hấp dẫn; 2 - Vị trí làng nghề; 3 - Tính liên kết; 4 - Mức độ bảo tồn; 5 - Thời gian có thể hoạt động du lịch; 6 - Sức chứa.

4. Gợi ý và khuyến nghị về phát triển du lịch tại các làng nghề ở thành phố Đà Nẵng

Mặc dù có khả năng phát triển du lịch, tuy nhiên thực tế tại các làng nghề vẫn còn nhiều tồn tại. Do đó, để khai thác hiệu quả hoạt động tại các làng nghề phục vụ phát triển du lịch, bài viết khuyến nghị một số giải pháp như sau:

Một là, chính quyền địa phương cần nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc bảo tồn và phát triển làng nghề ở địa phương, từ đó, xây dựng các đề án, kế hoạch, phương án bảo tồn, gìn giữ và phát triển làng nghề. Làng nghề hoạt động tốt là yếu tố quan trọng để có thể trở thành điểm tham quan thu hút khách du lịch.

Hai là, chính quyền địa phương cần chú trọng nâng cao niềm tự hào đối với người dân trong các làng nghề bởi họ là thành phần chính góp sức xây dựng, phát triển và bảo tồn làng nghề; đồng thời xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ về việc làm, kinh phí, tiêu thụ sản phẩm... từ đó thành lập Hội làng nghề, thu hút các thể hệ kế thừa và duy trì, cũng như mở rộng quy mô và số lượng các hộ hoạt động tại các làng nghề.

Ba là, đưa làng nghề trở thành một điểm tham quan gắn liền với các tuyến điểm du lịch khác của thành phố để khai thác tối đa giá trị của làng nghề - một tài nguyên văn hóa quan trọng trong du lịch. Dựa vào định hướng phát triển du lịch của thành phố Đà Nẵng và tình hình khai thác thực tế, các làng nghề có thể được khai thác gắn với các tuyến, điểm du lịch như sau:

- Làng nghề nước mắm Nam Ô: là điểm dừng chân sau khi khách du lịch tham gia chương trình du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng tại xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang. Nội dung: tham quan quy trình sản xuất nước mắm và mua sắm tại chỗ.

- Làng nghề bánh tráng Túy Loan: là điểm dừng chân gắn với chuyến du lịch đến các điểm du lịch sinh thái tại xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang hoặc tuyến du lịch đường sông từ sông Cu Đê đến sông Túy Loan. Nội dung: tham quan, trải nghiệm, thưởng thức bánh tráng và mỹ phẩm Túy Loan nổi tiếng.

- Làng chiếu Cẩm Nê: có thể khai thác trở thành điểm tham quan, chụp ảnh và trải nghiệm làm chiếu gắn với các điểm tham quan lân cận như Khu du lịch suối khoáng nóng Phước Nhơn, du lịch sinh thái Hồ Đồng Nghê...

Bốn là, để khai thác hiệu quả các làng nghề, cần tổ chức quy hoạch lại làng nghề, đảm bảo đầy đủ các yếu tố để làng nghề trở thành điểm phục vụ khách du lịch theo quy định như các điểm lưu trú, ăn uống, quầy bán hàng, nhà vệ sinh... Tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức của người dân và chất lượng sản phẩm tại các làng nghề để phục vụ khách du lịch bằng cách lồng ghép trong các chương trình, dự án nâng cao hiểu biết về phát triển du lịch bền vững cho cư dân địa phương.

Năm là, chú trọng thực hiện tốt công tác quảng bá điểm du lịch làng nghề bằng cách lồng ghép việc cung cấp thông tin dưới nhiều dạng như tờ rơi, tập gấp, bản đồ, bảng thông tin...; liên kết với các đơn vị lữ hành, du lịch để quảng bá rộng rãi sản phẩm của làng nghề; tham gia các hội chợ, hội thảo, họp báo có liên quan đến du lịch nói chung và du lịch làng nghề nói riêng; thành lập các kênh thông tin trực tuyến và thường xuyên cập nhật thông tin về điểm du lịch làng nghề...

5. Kết luận

Làng nghề là điểm tài nguyên văn hóa có vai trò quan trọng, góp phần đa dạng hóa và tăng sức hấp dẫn cho các chương trình du lịch. Tuy nhiên, trong cơ cấu ngành du lịch thành phố Đà

Những hiện nay, du lịch nghỉ dưỡng biển cao cấp vẫn được chú trọng nhiều hơn khiến các điểm tài nguyên văn hóa chưa được khai thác đúng tiềm năng và đang dần mờ nhạt.

Kết quả đánh giá 04 làng nghề tại thành phố Đà Nẵng cho thấy 03 làng nghề: làng nghề nước mắm Nam Ô, làng nghề bánh tráng Túy Loan, làng chiếu Cẩm Nê có khả năng phát triển du lịch với các hình thức và quy mô khác nhau. Sự thuận lợi này là cơ sở cho việc xây dựng các đề án, kế hoạch hoạt động du lịch tại các làng nghề và là cơ sở để tiếp tục thực hiện đánh giá các làng nghề còn lại ở thành phố Đà Nẵng.

Việc quy hoạch, xây dựng các đề án bảo tồn làng nghề nói riêng và sản phẩm du lịch gắn với các tài nguyên văn hóa nói chung là vấn đề cấp thiết nhằm bảo tồn bản sắc văn hoá địa phương, đảm bảo sinh kế của người dân và nâng cao sự hiểu biết của giới trẻ về các giá trị truyền thống của ông cha.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] Government, *Decree on the development of rural sectors, issued together with Decree No. 52/2018/ND-CP dated April 12, 2018*, 2018.
- [2] V. Q. Tran *et al.*, *Vietnamese cultural establishment*. Education Publisher, Ha Noi, 2006.
- [3] S. C. Pham, *Vietnamese traditional craft village*. Culture of Vietnamese Publisher, Ha Noi, 2004.
- [4] V. Q. Nguyen and N. T. T. Tran, "Experiences in some Asian countries in the development of craft village tourism and recommendations for Vietnam," *DTU Journal of Science and Technology*, vol. 46, no. 3, pp. 130-136, 2021.
- [5] T. T. Truong and T. M. Ly, "Potential, current situation and solutions to tourism development at brocade weaving craft village of Khmer ethnic in Van Giao commune, Tinh Bien district, An Giang province," *Can Tho University Journal of Science*, vol. 54, no. 4C, pp. 137-147, 2018.
- [6] B. N. Nguyen, "Craft village tourism in south-east Vietnam – reality and remedies for development," *Dong Nai University Journal of Science*, vol. 7, pp. 62-76, 2017.
- [7] T. M. Nguyen, "Developing craft village tourism in Dong Thap province," *Dong Thap University Journal of Science*, no. 20, pp. 102-109, 2015.
- [8] H. M. Vu and I. Rasovska, "Craft villages and tourism development, a case study in Phu Quoc island of Viet Nam," *Management*, vol. 21, no. 1, pp. 223-236, 2017.
- [9] H. T. T. Nguyen *et al.*, "Developing Craft Village Tourism in the Context of International Economic: A Case Study of Vinh Phuc Province, Vietnam," *International Journal of Human Resource Studies*, vol. 10, no. 1, pp. 128-145, 2020.
- [10] D. C. Nguyen and N. T. B. Nguyen, "Applying Analytic Hierarchy Process to making decision," *Journal of Accounting and Auditing*, no. 1, pp. 35-40, 2018.
- [11] T. M. Thai and co-authors, "Application of multi-criteria evaluation for assessing the impact of climate change on agricultural production in the coastal provinces of the Mekong Delta, Viet Nam," *Can Tho University Journal of Science*, vol. 54, pp. 202-210, 2018.
- [12] M. T. Dang, T. A. Vu, "Applying the Analytic Hierarchy Process (AHP) algorithm to classify various criteria effecting flood risk on Lam River Basin," *Journal of Science on Natural Resources and Environmen*, no. 22, 2018.
- [13] D. T. Tran, *Assessment of tourism resources in Thanh Hoa*. Ha Noi University of Social Sciences and Humanities, 2005.
- [14] C. N. Dao, "Organizing tourism territory of Kien Giang province by using geographic information system (GIS) approach," *Can Tho University Journal of Science*, no. 32, pp. 90-96, 2016.
- [15] T. T. Bui, *Establish a scientific basis for the identification of tourist routes in Quang Tri province*, Ministerial-level scientific and technological project, Hue University of Sciences, 2012.
- [16] T. Q. Do, *Developing tourism in Ho Chi Minh City with the exploitation of tourism resources in the vicinity*, Doctoral thesis in Geography, Hanoi National University of Education, 2004.
- [17] G. H. Q. Nguyen, *Assessment of cultural tourism resources in Thua Thien Hue province*, Doctoral thesis in Geography, Ho Chi Minh city University of Education, 2015.
- [18] Da Nang People's Committee, *Project on Preservation of Nam O fish sauce making craft village in association with tourism development in Da Nang city*, issued together with Decision No. 1142/QĐ-UBND dated March 31, 2020.